

Những Cuộc Bách Đạo Thời Các Chúa Trịnh

CHƯƠNG 1: Sắc Lệnh Cấm Đạo Đầu Tiên của Trịnh Tráng (1627-1658)

Một số tác giả căn cứ vào cuốn Khâm Định Việt Sử Tổng Giám Cương Mục để cho rằng đạo Công Giáo bị bách hại từ năm 1533 là điều không trùng với sự kiện lịch sử.

Trước hết cuốn này được quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn theo lệnh của vua Tự Đức (1856-1884). Theo đó thì từ năm Nguyên Hòa nguyên niên đời vua Trang Tông nhà Lê (1533) có người Tây tên là I-nê-khu đi đường biển vào giảng đạo Thiên Chúa ở làng Ninh Cường và làng Quần Anh thuộc huyện Giao Thủy. Cha Phan Phát Huồn và những người sau này theo tài liệu Việt Nam Giáo Sử của ngài đã gọi ngay niên hiệu đó là cuộc bách hại đạo đầu tiên.

Thực ra đạo Công Giáo chỉ được rao giảng chính thức từ thời Trịnh Tráng vào năm 1627 do Cha Đắc Lộ và Cha Marquez, Dòng Tên. Năm 1626 Trịnh Tráng có gửi thư sang cho Đức Thánh Cha Urbano VIII và nói về việc xếp đặt chỗ ở cho hai giáo sĩ. Năm 1786 Nguyễn Huệ ra Bắc chấm dứt dòng họ Trịnh.

1. Cha Đắc Lộ và lệnh cấm đạo đầu tiên năm 1629

Vào ngày lễ Thánh Giuse, 19-3 năm 1627, Cha Đắc Lộ tới cửa Bạng bắt đầu cuộc truyền giáo có qui mô tại Bắc Việt (Đàng Ngoài). Ban đầu cha thu hút được sự chú ý của vua chúa cũng như quan và dân. Tuy nhiên sự thành công, uy tín và khác biệt trong việc thực hành đạo đã gây ra nhiều ghen tương và đố kỵ. Chỉ trong vòng ba năm sau sự thân thiện đã đổi sang bất bõ.

Cha Đắc Lộ cho biết là sau một năm, các tì thiếp của người có đạo bị từ bỏ--vì luật nhất phu nhất phụ của đạo Công Giáo--đã kêu ca với Trịnh Tráng. Các vương phi cũng e ngại cho số phận của mình khi họ thấy Cha Đắc Lộ đi lại nhiều với vua và các quan triều đình. Một bà vương phi đã ra lệnh cho quan đến nhà Cha Đắc Lộ đe dọa như sau: *"Hỡi các Tây Giang Đạo Trưởng, sao các người lại đến giảng trong nước ta một đạo lý trái với tục đa thê trong nước ta? Các người chỉ cho phép thần dân của ta được có một vợ một chồng khi mà ta muốn có thêm nhiều tôi trung. Từ nay ta cấm các người không được truyền bá đạo sai trái ấy nữa. Nếu bất tuân lệnh ta thì các người phải biết rằng mất đầu thì cái chân không thể đứng vững nữa, nghĩa là ta sẽ trừ diệt nguyên nhân sâu xa ra khỏi nước ta".*

Một thử thách khác nữa do các thầy cúng và sư sãi gây ra cho việc truyền giáo. Những người này, vì thấy dân chúng trở lại đạo bỏ bê chùa chiền, thì vu cáo cho lễ nghi bên đạo là một phù phép giết người. Vì các cha thường khuyên nhủ những người sắp chết theo đạo để cứu linh hồn họ. Vịn vào đó, họ xin chúa Trịnh đề phòng vì các cha là những người được sai đến dùng phép phù thủy để giết hại các nhân tài, tướng giỏi, một khi không còn ai, cuộc nổi loạn sẽ dễ dàng. Cũng năm ấy, Chúa Trịnh cấm tàu buôn không được đến, và ra lệnh cấm không ai được theo đạo Giatô, vì người theo đạo đã cả gan đập phá các tượng bụt thần. Cũng từ đó Chúa Trịnh và các quan xa tránh Cha Đắc Lộ vì tin thật cha là phù thủy cao tay.

Lý do thứ ba Chúa Trịnh ra sắc chỉ triệt để cấm đạo là vì lời vu cáo cho rằng các cha liên lạc với nhà Mạc và chúa Nguyễn trong Nam. Sắc chỉ viết như sau: *"Hoàng Thượng sắc dụ cho nhân dân biết: từ trước đến nay như Trẫm biết, các Tây Giang Đạo Trưởng ở trong triều Trẫm không có dấy nhân dân những đạo lý sai lầm hại dân hại nước, nhưng để đề phòng những điều có thể xảy ra sau này, hoặc những âm mưu hiện đang ngấm ngầm xếp đặt mà Trẫm chưa điều tra ra, Trẫm cấm ngặt từ đây các thần dân của Trẫm không được đi lại với các Đạo Trưởng và tin theo đạo đó nữa".* Sắc chỉ của vua được viết trên mảnh gỗ lớn cấm ngay trước cửa nhà các cha. Từ đó, cả bốn tháng trời các cha không dám ra khỏi nhà. Ngày Chủ Nhật các cha gửi thư đề đọc tại các nhà thờ, sáu phường được phân chia làm sáu xóm do các thầy giảng trông coi. Tiếng đồn về đạo mới do lệnh cấm lại càng được lan rộng ra những vùng xa xôi. Năm 1629, chúa Trịnh ra lệnh trục xuất hai cha xuống miền Nam để về Áo Môn (Ma Cao).

2. Đức tin sắt đá của các tân tòng: Ông Phanxicô, Cô Daria, Cậu Phanxicô.



Một người tân tòng tên là Phanxicô có lòng bác ái ngay từ thuở bé, nhất là chôn cất người nghèo, có khi ông vác trên vai cho đến huyết. Vì ông là lính trong ngự lâm, nên một hôm hoàng thân, anh vua, hay tin mới triệu ông đến và bảo: "*Bàn tay người đừng đến xác chết sao người dám cầm đến thức ăn, đồ dùng của ta? Ta muốn người tức khắc chấm dứt việc làm đó và từ bỏ đạo đã dạy người làm như vậy*".

Rầu rĩ ông thưa với hoàng thân: "*Tôi thật là một người Công Giáo và đức tin dạy tôi thực hành việc bác ái để được hưởng phúc*

trên trời. Không có quyền lực nào dưới thế có thể ép buộc tôi chối bỏ đức tin của tôi được. Còn về việc hầu cận hoàng thân, tôi không hề sao nhãng cũng như sự cứu rỗi đời đời của tôi. Hoàng thân hãy tin tưởng vào lòng trung thành của tôi. Nhưng đừng nghĩ việc tôi phụng sự Thiên Chúa và đồng bào trong những giờ rảnh rang là xấu".

Vị hoàng thân là người rất ghét đạo nên tức giận đuổi người lính hầu cận ra và cấm không cho bao giờ được bước vào nhà ông nữa. Phanxicô sung sướng được thông dong hơn để phục vụ Chúa Giêsu là Vua các vua. Sau đó hoàng thân lại nghe tin lòng nhiệt thành của Phanxicô đã thu hút được nhiều người, liền cho đòi người lính hầu cũ đến và ra lệnh bắt ông từ bỏ Chúa Kitô. Phanxicô can đảm thưa lại: "*Thưa hoàng thân, không bao giờ tôi dám làm điều tội lỗi ấy, dù tôi có phải chết trăm nghìn lần*".

Hoàng thân liền ra lệnh cho đem đi đánh đòn và tra tấn. Mặc dù roi đòn quật đánh tứ phía trên thân thể, Phanxicô vẫn khẳng khái tuyên xưng chỉ có Chúa Giêsu là Chúa của mình và sẽ thờ lạy Ngài cho đến hơi thở cuối cùng. Sau trận đòn thì có lệnh xử tử, và lý hình đem ông đi chém đầu. *Phanxicô chính là vị tử đạo đầu tiên của giáo hội Bắc Việt* và của lễ toàn thiêu này đã làm cho việc truyền giáo của các cha thêm kết quả đầy tràn.

Chúa đã thưởng công cho ngài và cho xảy ra nhiều phép lạ đến nỗi các cha không thể kể hết. Một người giáo dân đã trừ được ba mươi người khỏi quỷ ám. Tại Nghệ An, một bà già sống lại nhờ nước thánh do người con mang về. Một người khác trên đường vào rừng thấy một người sắp chết liền xuống suối lấy nước, làm dấu thánh giá trên nước, rồi cho kẻ sắp chết uống và đọc kinh ngày Chúa Nhật, ngay lúc đó người ấy hồi sinh và lấy lại sức lực.

Nếu Ông Phanxicô đã nêu gương và chết vì lòng bác ái thương người thì nữ giới cũng nêu cao về đức trinh khiết. Tại một làng có sáu chục người Công Giáo, trong đó có gia đình Cô Daria sinh sống. Một ông quan trong vùng muốn bắt ép Cô Daria làm vợ lẽ, trái với luật một vợ một chồng của đạo Công Giáo, cô liền bỏ làng trốn sang làng khác. Quan cho lính đến bắt cha mẹ và họ hàng để tìm ra nơi ở của cô. Những người này đã bị tra tấn và đánh đập tàn nhẫn nhưng họ một mực không cung khai nơi ở của người trinh nữ đạo hạnh. Họ trả lời: "*Phản bội một người đồng đạo đã tín nhiệm nơi họ là điều bất nhân, giao người ấy cho quan để làm hại nhân đức cao quý lại là một tội ác nữa*".

Quan cho lệnh dân chúng đánh đập họ, nhưng binh lính thấy gương hào hùng của họ thì chỉ đập phá nhà cửa và đồ đạc rồi để họ trốn đi. Cả sáu chục người trên đã trốn khỏi làng, cùng thề với nhau trung thành với Chúa. Họ đã lên kinh đô tìm gặp các cha và được một bà lớn trong thành bảo trợ, cho đất lập nghiệp.

Ngoài ra một cô khác tên là Pia cũng bị chính cha mẹ ép làm thiếp cho người bố nuôi, nhưng cô đã trốn lên kinh đô nương nhờ những người Công Giáo. Một tấm gương khác của cậu Phanxicô, 14 tuổi, bị cha mẹ bắt ép ăn thịt trong mùa chay. Cậu đã nhất mực từ chối nên bị cha mẹ ruồng bỏ, cậu lên kinh đô xin ở với các cha.

Những cuộc bách hại trên trong những năm đầu của Trịnh Tráng không làm hoảng sợ các tín hữu. Hơn nữa Chúa Trịnh còn cần đến sự có mặt của các cha để các tàu buôn Bồ Đào Nha mang súng đạn bán để có thể thôn tính miền Nam của Chúa Nguyễn. Suốt trong 34 năm dưới thời Trịnh Tráng, tức là từ năm 1623 đến 1657, giáo hội tại Bắc Việt trải qua thời kỳ hoàng kim. Những cuộc bắt bớ lẻ tẻ, các cha chỉ coi đó như những vết đốt của đàn muỗi và chỉ một vài món quà là làm nguôi cơn giận dữ.

3. Bức thư đầu tiên của giáo đoàn xứ Bắc gửi Đức Thánh Cha Urbano VIII

Năm 1630, Cha Đắc Lộ bị trục xuất khỏi xứ Bắc Kỳ. Nhân dịp này giáo dân tại đây đã viết một lá thư bằng chữ Hán gửi đến Đức Thánh Cha Urbanô VIII và Cha Bê Trên Cả Dòng Tên. Nội dung của hai bức thư giống nhau. Sau đây là nguyên văn bản dịch bức thư gửi Đức Thánh Cha Urbanô VIII:

"Tất cả các bốn đạo nước Annam, cúi đầu lạy tạ Chúa thật trời đất, cúi mình dâng thư này lên Đức Thánh Cha, đáng đại diện Chúa Giêsu Kitô dưới trái đất. Đức Thánh Cha đã sốt sắng làm vinh danh Thiên Chúa bằng việc sai các linh mục đi khắp thế gian để dẫn đưa mọi người về đàng chân thật. Tuy nhiên cho đến nay, ánh sáng của đức tin chân thật chưa được chiếu tỏa trên đất nước Bắc Kỳ. Bây giờ chúng con được phúc trọng gặp hai cha Dòng Tên, từ phương Tây, chẳng nề những nguy hiểm bão táp ngoài khơi, đã đến nước chúng con và đã công bố đạo thật. Nhờ việc giảng dạy và khuyên bảo, các ngài đã khuyến dụ được nhiều người tôn thờ Chúa thật trời đất, con số lên tới 5.000 người và còn nhiều người khác nữa đang sẵn sàng tin theo. Mặc dù vua chúa cầm quyền nước này không nhận biết chân lý đã chống lại các cha, tuy nhiên vẫn chưa bao giờ lên án đạo thật do các cha rao giảng. Còn bốn đạo chúng con, không bao giờ nghi ngờ, vẫn một mực trung thành theo đạo thật đã nhận lãnh. Vì vậy để củng cố mạnh mẽ thêm ý chí của chúng con, chúng con dâng thư này lên Đức Thánh Cha, là cha chung của mọi giáo dân, cúi xin Đức Thánh Cha trợ giúp và nâng đỡ. Kính xin Đức Thánh Cha thương tình trông đến sự khốn khó của chúng con và tỏ lòng phụ tử trên chúng con, các con cái xứ Bắc Kỳ còn ít ỏi và chưa được học hỏi kỹ lưỡng đang đợi trông các đăng thông thái đạo thật đến để giảng dạy đạo Thiên Chúa cho mọi người dân nước, cao sang cũng như hèn mọn, để họ tu bổ sai lầm, tránh được hình phạt muôn đời và được hưởng hạnh phúc viên mãn.

Chúng con tất cả giáo dân xứ Bắc Kỳ cúi đầu dâng thư mọn này lên Đức Thánh Cha. Từ Con Thiên Chúa xuống làm người đến nay là 1630 năm".

4. Những cuộc bắt đạo tiếp theo và hoạt động của các cha sau Cha Đắc Lộ.

Theo Cha Marini thì lúc đầu Thiên Chúa chưa cho phép, hoặc các sư sãi chưa có mạnh đủ, hoặc Chúa Trịnh chưa có ghen ghét như các vua chúa Nhật Bản nên các cuộc bắt đạo chưa đến nỗi tàn khốc. Tuy nhiên cũng có nhiều lộn xộn xảy ra vì sự bất cẩn của anh chị em tân tông.

Vào cuối năm 1632 có cuộc cấm đạo và bắt hai cha ở Thanh Hóa. Lý do là ở gần khu Kẻ Chợ là trại Kẻ Sét, là đất Chúa Trịnh cho một Vương Phi sùng Phật, ghét đạo Công Giáo. Bà có xây một ngôi đền. Ban đêm có người điên vào đền bẻ gãy pho tượng rất được sùng bái. Được tin báo, bà liền đến than vãn với Chúa Trịnh và vu cáo cho người Công Giáo ở đó đã phạm đến thần phật. Không cần điều tra, Chúa Trịnh ra chỉ cấm đạo ngày 17-10 Âm Lịch, tức ngày 28-11-1632. Bà Vương Phi cho lính đến phá phách nhà thờ mới cất. Lính lấy gỗ đem về nơi dân ngoại làm một đền mới. Tại Kẻ Chợ, nhiều dân ngoại quá khích đã bắt trói hai Cha Amaral và Reggio, lôi qua các phố. Chúa Trịnh đã phải xin lỗi các cha và ra lệnh cấm không được quấy nhiễu các cha và các người theo đạo.

Hai năm 1635 và 1636 xứ Bắc gặp nhiều tai ương. Trịnh Tráng lại ra lệnh cấm đạo. Để đề phòng, các nhà thờ đã được xây làm nhiều gian và cửa, mỗi khi báo có quân lính tới thì dân chúng ngăn ra làm nhà ở nên lính không có cơ gì để bắt triệt hạ cả. Sang năm 1637 thêm nhiều vị thừa sai và mở thêm nhiều địa điểm truyền giáo. Năm 1638 tại Nghệ An và Thanh Hóa, Cha Majorica và làng Kẻ Rùm bị bách hại. Tại đây số người Công Giáo khá đông và nhiều người trở lại nên dân ngoại hiềm khích, xúi dục bọn cướp tàu đến phá rối. Cuộc xung đột làm cho một tên trong bọn cướp bị tử thương nên cả làng bên lương cho tuần

tráng đến phá phách, bắt giam Cha Majorica và đưa lên kinh. Cha và giáo dân được thả về, còn bọn cướp chạy trốn. Quan phủ theo lệnh trên kinh đô bắt làng bên lương cất nhà thờ lại cho giáo dân.

Năm 1643 bắt thành linh Trịnh Tráng ra lệnh cấm đạo. Ông cấm dân chúng không được giao tiếp với các vị thừa sai, "*những người đã cả gan dạy dân chúng tà đạo và những điều mê tín dối trá*", lại truyền thiêu hủy tất cả các ảnh tượng, sách vở và đồ đạo. Lệnh được niêm yết trước nhà các cha. Lý do có lẽ vì Chúa Trịnh muốn bắt tay với người Hòa Lan. Thương gia Hòa Lan bị Chúa Nguyễn cấm nên hứa giúp Chúa Trịnh đánh Nguyễn với điều kiện cấm người Bồ Đào Nha tại Bắc. Nhưng cuộc chiến thất bại, nên chúa Trịnh thay đổi thái độ, cho mời Cha Majorica vào phủ phân bua vì đã quá nghe lời những người chống đạo. Chúa Trịnh lại cho phép các cha được tự do truyền đạo. Năm 1644, một tàu buôn Bồ Đào Nha đến, chúa Trịnh ra lệnh khám xét kỹ lưỡng. Các quan bắt được nhiều đồ đạo và xin chúa Trịnh ra lệnh cấm đạo và cấm đeo ảnh tượng. Nhưng cuộc cấm đạo cũng chỉ kéo dài 3 tháng.

Chúa Trịnh chỉ muốn theo chính sách có lợi cho mình, khi có tai ương hoặc dân ngoại ca thán thì ra lệnh cấm đạo, rồi khi cần súng đạn của người Bồ Đào Nha thì lại cho phép giữ đạo.

CHƯƠNG 2: Những Lệnh Trục Xuất Các Thừa Sai Dưới Thời Trịnh Tạc (1658-1682)

Khi Trịnh Tạc lên nối ngôi chúa, miền Bắc đã có sáu cha Dòng Tên đang truyền đạo trong sáu giáo đoàn khác nhau: Kinh Đô, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Xứ Đoài và Xứ Bắc, Xứ Đông. Tổng cộng các nơi có khoảng 300.000 giáo dân, 414 nhà thờ, 30 thầy giảng. Tại Kinh Đô giáo dân đến nhà thờ đọc kinh mỗi ngày hai lần. Cha Tissanier gọi giáo hội Bắc Việt lúc ấy như một thiên đàng.

1. Lệnh trục xuất 6 cha Dòng Tên, giam lỏng 2 cha mới tới (1658)

Trong năm đầu phải để tang cha nên Trịnh Tạc chưa làm gì để cấm đạo. Qua năm sau, vì Trịnh Tạc là người sùng nho học muốn chấn chỉnh Nho Giáo nên ra lệnh cấm hút thuốc, cấm đánh nhau và cấm luân cả đạo Công Giáo. Về thái độ thù ghét đạo Công Giáo của Trịnh Tạc, Cha Tissanier cho biết là Trịnh Tạc rất thất vọng không hiểu tại sao đạo Công Giáo lôi cuốn người dân quá đáng và vì thế phải cấm hẳn. Ngoài ra, gương nước Nhật và Trung Hoa bắt đạo và nghi ngờ các người Âu Châu, cũng làm cho chúa Trịnh nghi ngờ rằng: không lẽ các cha vượt biển xa xôi trăm ngàn nguy khó đến đây chỉ để giảng đạo cứu rỗi người ta không thôi. Thêm vào đó các quan xúi xiểm với Chúa Trịnh là người Công Giáo bỏ bê việc cúng thần và tổ tiên. Đầu năm 1658, các quan cố vấn thỉnh cầu Chúa Trịnh chấn chỉnh quốc gia và nghiêm cấm đạo Công Giáo. Tháng 4 năm đó, tàu Bồ Đào Nha đến mà không mang nhiều hàng quý, và đồ tặng phẩm lại quá xoàng khiến Trịnh Tạc tức giận ra lệnh cho các cha phải rời khỏi nước. Trước tin này, các bà đạo đức trong triều xin với Trịnh Tạc cho phép hai cha vừa theo tàu Bồ Đào Nha đến được ở lại, vì các cha này không biết tiếng Việt, không giảng đạo được. Trịnh Tạc cho phép hai cha ở lại nhưng cấm không được đi các làng thăm giáo dân. Ngày 17-7 các cha khác xuống tàu về Macao. Ngày 17-9 cũng năm đó, hai cha còn lại phải ở hai nhà khác nhau có lính canh chừng. Trịnh Tạc còn ra mật lệnh cho các quan trấn nếu gặp thấy các cha ở các làng thì phải bắt ngay, và xử như người phạm tội. Trước tình trạng này các cha phải ra lệnh cho các thầy không được hội họp giáo dân nữa. Tuy có thái độ thù ghét, nhưng Trịnh Tạc cũng phải công nhận là các kinh đọc rất hay và lời cầu nguyện giúp được nhiều bệnh nhân khỏi bệnh. Số tân tòng trở lại vẫn đông, nguyên năm 1660 có 8.000 người.

2. Gương nhiệt thành của ông Benoît tại làng Kiên Lao

Kiên Lao là một làng cách xa Kinh Đô lối 40 dặm và nổi tiếng không những vì các chiến sĩ dũng cảm mà còn vì số đông những người tín hữu nhiệt thành. Chúa Trịnh tuyển chọn lính tại đây, vì thế cho họ đặc ân được chia nhau các hoa màu ruộng đất. Làng này có khoảng 2.000 người Công Giáo đã nêu gương cho các người khác trở lại. Sau đó ít lâu con số lên tới 5.000, kể cả vùng lân cận. Một tông đồ giáo dân của làng này là ông Benoît.

Ông chịu phép rửa tội năm 33 tuổi, do Cha Amaral vào năm 1635. Ngay từ đó ông được nhiều ơn của Chúa Thánh Linh, nhiệt thành làm việc tông đồ. Ông đã xin được giúp các cha trong việc rao giảng Phúc Âm, nhưng Cha Amaral thấy ông có gia đình và muốn lòng nhiệt thành của ông mang hoa trái cho vùng này, nên cha khuyên ông làm tông đồ giữa đời, bằng lời nói và gương sáng giữa mọi người. Ông từ bỏ các thú vui trần tục và sốt sắng giữ chay tịnh, cầu nguyện. Khi lương dân lấy các đồ đạc trong nhà, ông còn ngợi khen Chúa vì được chịu khổ.

Vị quan trông coi Kiên Lao là người ghét đạo nên lúc ban đầu giáo dân không thể dùng nhà thờ được, các ngày Chủ Nhật họ phải họp nhau tại nhà ông Benoît. Một hôm quan vào nhà bất thành linh, đánh đập tất cả những người có mặt. Một số đông chạy trốn thoát được. Ông Benoît vẫn ở nguyên tại chỗ và cầu nguyện. Quan càng tức giận, chửi bới và dọa nạt sẽ trừng trị. Ông vẫn thản nhiên trả lời: *"Tôi không hề quan tâm những chuyện nhỏ nhặt khi tôi đang cầu nguyện, và hơn nữa tôi còn sung sướng được chịu khổ cực vì Chúa"*.

Từ đó Cha Morelli giao cho ông coi sóc giáo dân ở Kiên Lao. Ông lại càng nhiệt thành hơn. Ông đến thẳng Kinh Đô để biên hồ cho đạo Công Giáo và tố cáo quan hà nhiễu nhân dân, và xin được phép làm

nhà thờ tại Kiên Lao. Cha Borges đã đến làm phép nhà thờ và chứng kiến lòng đạo của dân chúng. Có lần cha phải rửa tội một lúc ba bốn trăm người và vì thế họ phải làm ba nhà thờ.

Lòng nhiệt thành của ông Bênoit đã thôi thúc mọi tín hữu, khi đi nhà thờ mỗi Chủ Nhật, họ mang theo gạo để phân phát cho người nghèo. Mỗi ngày Chủ Nhật người ta thấy trước cửa nhà thờ một đống gạo lớn. Một hôm ông đến với bọn trộm cướp nói thẳng: *"Tôi sẵn sàng chia sẻ số gạo thóc cho, nhưng phải bỏ nghề bắt lương cướp đoạt của người khác."*

Lời nói chân thành thẳng thắn đã cảm hoá được năm sáu tên trộm, và chúng đã tình nguyện theo ông Bênoit. Trong 14 năm trời hoạt động, ông đã sửa đổi được nhiều thói xấu địa phương. Một hôm có tin vua tuyển chọn 13 người lính, và họ muốn tụ tập tại chùa để lãnh sắc, ông đã đề nghị họ đến nhà thờ để nghe sắc, vì trong số đó có 8 người Công Giáo, và họ đã làm theo. Sau khi nghe lời truyền, họ cúi mình 4 lạy để tạ ơn Chúa. Một dịp khác, vào ba ngày đầu năm, những người lính Kiên Lao được vinh dự tập dượt tại chùa và vì vậy họ sẽ phải lạy Phật. Ông liền bỏ tiền và treo giải thưởng cho họ để họ đến khu nhà thờ thao diễn. Trước khi bắt đầu họ đã kính lạy Thiên Chúa.

Mùa chay năm 1660 ông đến Kinh Đô gặp Cha Borges và nói mình không còn sống bao lâu nữa. Ông trở về làng tiếp tục thăm viếng các bệnh nhân rồi chính ông cũng mang bệnh. Tháng 5, ông từ giã vợ con, nhà cửa, và một người cáng ông lên Kinh Đô gặp các cha để lãnh nhận các bí tích. Các cha nhờ một danh y săn sóc, nhưng ông nói: *"Thuốc mà con tìm kiếm là các bí tích, thầy thuốc là các cha"*.

Và từ đó ông chờ đợi sự cứu giúp của ơn cứu chuộc linh hồn. Người ta hỏi ông có muốn về nhà để chết không. Ông thưa lại: *"Nhà tôi chính là nơi gần các cha nhất, và vinh dự cho tôi là được chôn cất gần nhà thờ"*.

Trong năm ngày cuối cùng đời ông, lúc nào tay ông cũng ôm chặt tượng chuộc tội. Nhìn Chúa chịu đóng đinh và chết trên thánh giá đã giúp ông chuẩn bị dâng chính cuộc đời ông và chết lành thánh trước mặt Thiên Chúa. Ông tắt hơi trong tay Cha Borges ngày 8-6-1660. Xác ông được đưa về làng Kiên Lao, chôn cất tại nhà thờ. Ông giữ đạo 25 năm.

3. Lệnh trục xuất hai cha năm 1663, lệnh cấm đạo Công Giáo và các đạo khác

Từ năm 1663 nước Trung Hoa cấm tàu bè Bồ Đào Nha đến Macao, khiến không còn tàu buôn nào đến hải cảng Bắc Việt nữa. Trong một phiên họp hội đồng tại phủ Chúa Trịnh, một vị hoạn quan đã đề nghị chấn chỉnh đạo giáo, vì có nhiều giáo phái bành trướng trong dân gian. Hội đồng đi đến kết luận là muốn ngăn ngừa các điều tệ hại cần phải trục xuất các đạo trưởng và cấm giáo dân theo đạo Công Giáo. Sau đó hai cha được lệnh phải lên tàu Hòa Lan đi Jarkata ngay lập tức. Sau khi các cha đi khỏi ba bốn ngày thì có lệnh cấm đạo Công Giáo và phái thầy cúng, bà cốt. Nhưng ngay sau khi lệnh được công bố, có sao chổi xuất hiện làm mọi người nghĩ ngay đó là vì lệnh cấm các đạo. Trịnh Tạc phải thu hồi lệnh cấm. Nhưng các nhà thờ đã bị tháo dỡ, giáo dân không còn hội họp nữa. Chỉ có mười thầy lớn đi lại thăm giáo dân và nâng đỡ đức tin của họ.

Cha Marini tóm tắt những nguyên nhân đưa đến thái độ thù nghịch và cấm đạo Công Giáo như sau: Vì trong đạo có nhiều thực hành và tập tục khác biệt, vì các sư sãi vu cáo người Công Giáo phá chùa bẻ tượng, vì các thầy cúng tuyên truyền là sự có mặt của Công Giáo gây ra các tai ương, và sau cùng là luật nhất phu nhất phụ của đạo. Ngoài ra còn một lý do nữa là nhờ cấm đạo các quan có thể làm tiền các người Công Giáo.

4. Ba sắc lệnh năm 1669

Trong hoàn cảnh bắt đạo trong Nam cũng như ngoài Bắc, các vị thừa sai không thể đi lại được, còn các thầy giảng lại không thể cử hành các bí tích. Cha Đắc Lộ được bề trên cử về Rôma để vận động tòa thánh sai giám mục đến Việt Nam để truyền chức linh mục cho các thầy giảng có đủ khả năng. Năm 1658 Tòa

Thánh đã xếp đặt cho hai đức cha đến Việt Nam, Đức Cha Pallu coi Bắc Việt và Đức Cha Lambert de la Motte coi Nam Việt. Năm 1666 Cha Deydier đại diện Đức Cha Pallu lên vào được Bắc Việt, tổ chức lại giáo đoàn và đặc biệt gửi hai thầy đi Thái Lan chịu chức, đồng thời chuẩn bị các thầy khác. Sự có mặt của các vị thừa sai người Pháp không làm cho Trịnh Tạc bất bình, trái lại ông còn mong muốn có thương gia người Pháp tới.

Tuy nhiên năm 1669 Trịnh Tạc thất bại trong việc đánh dẹp nhà Mạc ở Cao Bằng, và có vụ hoả hoạn xảy ra tại Chùa Tháp khiến ông tìm một con vật hy sinh để trấn an lòng dân. Trong lúc đó tàu buôn Bồ Đào Nha đến Bắc Kỳ chở ba cha Dòng Tên, một thầy, và nhiều đồ đạo trong khi hàng hóa lại không có gì, lễ vật dâng Chúa Trịnh quá thường. Ngày 13-5, Chúa Trịnh ra lệnh cấm đạo Công Giáo. Lệnh được quan Tiêu Bút giao cho viên trấn thủ Nam Định là ông Gia Thước để thi hành. Lệnh viết: *Đối với những người giữ đạo Hoa Lang từ lâu đã có lệnh cấm, phải canh giữ nghiêm ngặt để không ai trong thần dân theo đạo này. Xét kỹ các tàu buôn của Bồ Đào Nha để tịch thu các đồ dùng và các sách đạo. Đối với những ai còn tiếp tục đi lại với họ thì phải giáo dục họ, đưa về đảng chánh, nếu không thì phải trừng trị họ theo luật lệ. Tại Thanh Hoá ngày 13-5.*

Ngày 3-6 Trịnh Tạc còn ra lệnh cho ông Gia Tai đến phủ nói các quan thảo một sắc lệnh chống đạo. Hoạn quan Cao Trao nói: *"Tàu Hoàng Thượng, năm rồi hạ thần sang Nhật, thấy luật ở đấy rất nghiêm, không ai dám giữ đạo Hoa Lang. Hoàng Thượng phải ngặt để không ai dám nghĩ đến đạo ấy nữa. Ở đây xem ra dân chúng cười khinh lệnh vua Raphael còn tỵ hợp 3.000 người".*

Một quan khác là Cao Cát thưa: *"Vài tháng trước hạ thần thấy họ an táng cho con, có ba linh mục và đông giáo dân tham dự..."*

Ngày 14-6 sắc lệnh cấm đạo có tên là Phương Truyền được công bố. Sắc lệnh viết: *Hội đồng cố vấn theo lệnh của Hoàng Thượng truyền cho các quan thuộc mọi trấn phải ngăn cấm đạo Hoa Lang, là thứ đạo đòi tể lừa dối dân chúng. Những người ngu dốt không biết gì nên đã tin theo. Năm Canh Dần đã có lệnh vua cấm các người Bồ Đào Nha lừa dối dân chúng, làm nhà thờ và hội họp nam nữ vô luân. Vậy các nhà thờ này phải triệt hạ trong toàn lãnh thổ và từ đây về sau nếu bắt gặp bất cứ ai hội họp theo thói cũ, hoặc mang những đồ đạo Hoa Lang thì phải tịch thu các ảnh đạo, đánh đòn 50 trượng rồi tha về. Lệnh truyền cho quan nha hiện tại các trấn phải sai lính đi các làng, huyện xem xét. Nếu bắt gặp người nào thì phải bắt họ từ bỏ hẳn thói xấu ấy và tuân giữ các tục lệ của quốc gia. Nếu các lính này không thi hành, hoặc sách nhiễu nhân dân để đòi tiền thì phải trừng phạt. Ban hành năm vua Cảnh Trị thứ 7, ngày 16-5-1669 (14-6 Dương Lịch).*

Ngày 29-6 một lệnh mới nội dung cũng như trên nhưng được ủy thác cho quan Tiết Chế thi hành để nhổ tận gốc đạo mới này.

5. Hậu quả các sắc lệnh trên: Cha Deydier và 3 thầy bị bắt

Với sắc lệnh thứ nhất quan trấn xứ Nam Định đã tịch thu nhiều ảnh tượng và sách đạo trên tàu Bồ Đào Nha và tại các nhà Công Giáo. Tại Kinh Đô, quân lính được sai đi khắp ba mươi sáu phố phường để lục xét. Có hơn 200 nhà thờ phải tháo dỡ. Sắc lệnh thứ ba kiểm kê tất cả nhà thờ và giáo dân tại các tỉnh khác. Cha Deydier không dám ra khỏi nhà, chỉ có các thầy giảng đi các nơi thăm viếng.

Tình trạng thay đổi khi Đức Cha Lambert de la Motte sang kinh lý, họp công đồng, và phong chức cho 7 thầy làm linh mục. Đồng thời đức cha còn lập Dòng Mến Thánh Giá tại Việt Nam. Dịp này đức cha được triều đình tiếp đón niềm nở, còn được tặng đất làm nhà và hai Cha Deydier và Bourges được nhận làm đại diện của công ty Đông Ấn của Pháp. Với phép này, ban ngày thì hai cha lo cửa tiệm, ban đêm gặp giáo dân. Trong nhà là một chủng viện huấn luyện, các thầy là những người chính thức giúp việc cho các cha. Khách hàng thường xuyên là giáo dân đến lãnh nhận bí tích. Đó chính là thứ hàng các cha mang lại cho dân chúng Việt Nam.

Thế nhưng cơn giông tố trở lại vì quan trấn xứ Nam Định là người ghét đạo, chỉ tìm cơ hội để kiếm chuyện. Ngày 2-4-1670 một thuyền buôn từ Nhật đến mang theo nhiều đồ đạo. Hai Thầy Barnaba và Phêrô xuống khiêng lên liền bị phát giác và bị bắt, còn đồ đạo bị tịch thu. Khi quan thẩm vấn, Thầy Barnaba theo thói quen người Công Giáo xưng tên thánh là Barnaba làm cho quan tức giận. Quan hạch sách làm gì tại nhà người Pháp và tại sao không làm ruộng. Thầy trả lời là giúp việc nhà vì không biết làm việc gì khác. Quan lại hỏi tại sao theo đạo ngoại lai, lại giữ những sách vở và ảnh tượng đạo, trái với lệnh cấm của vua? Thầy Barnaba đáp: *"Những cuốn sách này là gia tài cha mẹ tôi để lại, nó rất quý và an ủi tôi, nuôi dưỡng đức tin tôi đã nhận lãnh. Còn thánh giá và những ảnh này là dấu chỉ đức tin Công Giáo mà tôi đã tuyên xưng từ nhỏ, ăn sâu vào tâm lòng tôi đến nỗi không lời hứa hẹn hay dọa nạt nào có thể làm tôi chối bỏ. Tôi biết có lệnh vua cấm, nhưng những đồ đạo này là tất cả gia sản tôi có và đã bị tước đoạt. Nếu quan trả lại, tôi hết lòng biết ơn. Tôi sẵn lòng chết để tỏ lòng trung thành với vua nếu điều đó không trái với lương tâm, không nghịch lại giới răn của Chúa Trời đất".*

Sau lời tuyên xưng đạo dũng cảm, Thầy Barnaba bị giam ngặt hơn, chân mang cùm và cổ đeo gông. Sau 19 ngày thì có án lệnh bắt thầy phải phơi nắng ba ngày giữa chợ, với bản án đeo trước ngực. Bản án viết: *"Người này bị bắt và giam tù vì theo đạo Công Giáo nghịch với lệnh vua. Các quan trừng phạt xứng với tội và làm gương cho các người khác để không bị đạo của người ngoại quốc lừa dối nữa".* Dân chúng đi qua bàn tán rằng theo đạo Kitô là một tội ác sao? Thật là bất công.

Ngày 22-8-1670 một người chối đạo tố cáo với quan trấn là hai người Pháp chính là hai linh mục. Lính vây nhà thì bắt được Cha Deydier và Thầy Pio. Ngày 3-9, quan đem bản án tâu Chúa Trịnh. Nhưng Chúa Trịnh truyền lệnh trả tự do cho người Pháp. Quan trấn lại thưa: *"Nhưng phải trừng phạt những người theo đạo, chém đầu họ để làm kinh sợ những người khác và chấm dứt được giáo phái mới này".*

Chúa Trịnh nói: *"Trẫm không muốn họ phải chết, nếu Khanh chắc chắn rằng họ gây lộn xộn trong trấn địa sở thì chặt tay họ hoặc giải họ về kinh".*

Sau đó những người Công Giáo bị bắt phải chịu đánh đòn 80 trượng, đồ đạo tịch thu được phải đem đốt. Ngày 10-9, năm người Công Giáo bị đưa ra trước mặt quan. Những người này nổi tiếng là đạo hạnh và lời cầu nguyện của họ đã chữa lành được nhiều bệnh nhân. Trong dịp này Cha Deydier đã hùng hồn biện hộ cho đạo như sau: *"Tại sao quý vị phải sửa sai những người này? Trong tù có nhiều người trộm cướp giết người, có người nào là Công Giáo không? Đạo Công Giáo không bao giờ cho phép làm thế. Đã từ hai chục năm nay tại trấn này có vô số những người sát nhân, thế nhưng từ khi có nhiều người theo đạo Công Giáo thì không còn tình trạng bất an nữa. Nếu có người trộm cướp nào, thì chính là người không theo đạo Chúa Kitô. Đạo Chúa dạy phải tôn kính vua chúa, cha mẹ, và yêu người hàng xóm như chính mình vậy. Đạo còn dạy không được thề gian dối, không được trộm cắp, giết người hay ngoại tình. Quý vị muốn những người Công Giáo thôi không giữ những điều ngay chính nữa sao?"*

Bài biện hộ còn dài nói về việc thờ Chúa Trời và tôn kính tổ tiên. Ngày 13-9 các tù nhân Công Giáo bị đánh đòn, hai người đàn bà bị 5 roi, hai người đàn ông già bị 30 roi, hai người khác bị 50 roi. Ngoài ra các tín hữu tại các nơi khác cũng hay bị sách nhiễu.

CHƯƠNG 3: Sắc Lệnh Cấm Đạo Năm 1696 Thời Trịnh Căn (1682-1709)

Theo đề nghị năm 1678 của Đức Cha Pallu, đại diện tông tòa địa phận Đàng Ngoài, tòa thánh chia hai địa phận mới là Đông Kỳ và Tây Kỳ. Sắc lệnh ký ngày 27-11-1679 giao cho Đức Cha Deydier, Giám Mục Ascalon, coi địa phận Đông Kỳ, gồm các tỉnh phía Đông sông Hồng, tức là Xứ Bắc, Xứ Đông, một nửa Xứ Tây và một nửa Xứ Nam; Đức Cha Bourges, Giám Mục Auren, coi địa phận Tây Kỳ, gồm các tỉnh phía Tây sông Hồng, tức là một nửa xứ Tây, nửa Xứ Nam, Xứ Thanh Hóa, Xứ Nghệ An và Bồ Chính giáp sông Ranh.

Trong cả hai địa phận có các cha và thầy giảng Dòng Tên. Ngoài ra địa phận Đông Kỳ còn có các cha Dòng Đa Minh và sau này thêm các cha Dòng Augustinô đi chân không. Dần dà các xứ đạo cũ chia ra và thêm số tại mỗi nơi. Tại địa phận Tây Kỳ, các cha Việt Nam coi các xứ, còn các vị thừa sai người Pháp chỉ mở chủng viện huấn luyện linh mục và thầy giảng.

1. Những cuộc bách hại lẻ tẻ tại các địa phương

Từ năm 1680 có nhiều cuộc bắt bớ tại các địa phương: Kẻ Voi năm 1680, Kẻ Hẹ năm 1684, Trại Chùa, Kiên Lao, Giao Thủy năm 1685, Vang Va năm 1686, Trại Dâu, Cát Vang... Nguyên nhân của những vụ sách nhiễu này cũng vì lương dân bắt người Công Giáo góp tiền xây Chùa hoặc cúng thần phật. Cũng có khi vì người Công Giáo không tham dự việc thờ trung thành lấy tên thần làng. Một lý do khác nữa là người Công Giáo họp nhau đông, nhất là khi có đám tang, làm cho người lương ghen tức. Nạn nhân của những vụ bắt bớ này là các cha Việt Nam hay thầy giảng, có khi cả những chức việc trong họ đạo.

Riêng tại Kiên Lao có đông Công Giáo nhất tại Bắc Việt, khoảng 4.000 người, gần như toàn tông, giáo dân hội họp đông đảo. Một hôm cha sở bị lính bắt, có hơn 200 bà về nhà lấy dao, gậy túm vào đánh quân lính để giải thoát cho cha sở. Quan sở tại liền cử 30 chục lính cù khôi với đầy đủ khí giới để bắt lại cha và ba hôm đồ đạo. Một trong 30 người lính là người có đạo đã ngầm báo cho các cha. Các bà Công Giáo biết vậy liền mang các đồ đạo gửi tại các nhà người bạn bên lương. Lính giận dữ đánh túi bụi cả lương lẫn giáo. Thấy vậy ông Emmanuel đứng ra can, họ liền bị đè xuống đất đánh mười hai roi. Nhưng ông vẫn can đảm không cung khai nơi cha xứ ẩn trốn cũng như chỗ giấu các đồ đạo. Quan trấn ra lệnh bắt giải tám người chức việc đến. Vừa thấy họ, ông nói với các quan án: *"Đó là những người Công Giáo. Họ là những người khó sửa trị hơn hết mọi người khác. Họ không sợ hãi mà nói rằng mình là người Kitô. Không muốn sống mà muốn chết là người Kitô"*.

Quay qua các tù nhân, ông hắt hàm hỏi: *"Trong nước này các người nghe lệnh ai?"* Một người, tên là Jerome Đàng, đứng ra thưa thay mọi người: *"Thưa ngài, tôi và phần đông những người đang đứng trước mặt ngài đã phục vụ từ đời vua ông, vua cha của vua đương nhiệm. Hết thời hạn phục vụ lúc năm chục tuổi, chúng tôi để dành trọn thời giờ để phục vụ Chúa Trời đất mà chúng tôi nguyện sẽ phục vụ cho đến chết."*

Nghe vậy quan trấn nói ngay với quan án điều mà ông đã nói trước, là người Công Giáo không hổ thẹn tỏ mình ra là người Công Giáo. Quan trấn lại khuyên họ hãy theo mệnh vua mà sửa đổi nếp sống, từ bỏ đạo đã bị cấm đoán. Jerome Đàng thưa lại: *"Thưa ngài, mạng sống của chúng tôi trong tay ngài, ngài có thể tước đoạt nếu ngài muốn, nhưng không thể lấy mất niềm tin vào Chúa chân thật, và chúng tôi hy vọng là ngài cho phép chúng tôi tiếp tục giữ đạo cho đến giờ phút cuối đời"*.

Quan lại hỏi: *"Nếu ta tha cho các người, các người sẽ tin rằng Giêsu giải thoát các người, có đúng vậy không?"* - *"Vâng, đúng là niềm tin của chúng tôi"*.

Sau đó quan trấn nói với quan án: *"Nói với hạng người như thế chỉ có mất thời giờ vô ích, ngài dư giờ thì cứ tự nhiên gạn hỏi họ"*. Thế rồi ông ra lệnh giáo dân nộp tiền phạt, và đánh đòn theo luật định.

Vào năm 1687, tại Vang Va có một người chối đạo, nhân dịp quan mới về coi sóc liền làm một tờ đơn tố cáo những người Công giáo. Mới đầu quan không tin, nói rằng nếu không đúng sẽ phạt người cáo bậy. Lúc ấy có một thiếu niên Công giáo, 18 tuổi, đi ngang qua bị bắt đưa ra trước mặt quan. Cậu đơn sơ thành thật trả lời rằng cậu là người Công Giáo và trong làng có nhiều người Công Giáo khác, có cả nhà thờ nữa. Nghe vậy quan cho lính đến bắt 32 trưởng gia đình Công giáo. Cả 32 người đều quả quyết mình là người Công Giáo. Quan hỏi họ làm những gì tại nhà thờ. Họ trả lời là đọc kinh cầu nguyện với Chúa Trời cho được mọi sự lành đời này và đời sau. Quan bắt họ làm mọi việc như họ vẫn làm tại nhà thờ. Cả 32 người quì gối xuống, hướng mặt về phía không có nhà cửa, ngược mắt lên trời, làm dấu Thánh Giá rồi đọc kinh Lạy Cha, kinh Kính Mừng, kinh Tin Kính, kinh Mười Điều Răn và kinh Mười Bốn Mối Thương Người. Cuối cùng quan nói với các người chung quanh: *"Tôi thấy tất cả những điều này đều tốt cả, dù vậy vì có lệnh vua cấm, chúng ta không thông dong"*.

Quay về phía người Công Giáo ông nói: *"Các ngươi biết có lệnh vua cấm đạo này, vì vậy các ngươi không được tỏ lộ ra ngoài. Lần này ta tha không đánh đòn, nhưng nếu bị bắt lần thứ hai ta sẽ không tha nữa đâu. Tại sao các ngươi không hài lòng chỉ giữ đạo trong lòng thôi, có ai tố cáo, có ai cấm cản các ngươi được?"* Quan bắt mọi người nộp chút tiền án phí rồi tha cho về.

Ngày 20-1-1694 tại Kê Đe thuộc xứ Nam, là một làng đông Công Giáo, có đám tang. Một người, có họ hàng với người quá cố, vì đã bỏ đạo nên ông không được đứng hàng đầu trong lễ an táng, ông tức giận thưa quan đến bắt. Khi lính đến làng thấy giáo dân đang dự nghi lễ an táng liền đánh đập, bắt mọi người quì gối xuống. Họ đánh cả thầy giảng chủ sự lễ nghi an táng. Thầy lên tiếng phản đối họ: *"Những người này không phải là giặc sao lại đánh đập họ, nếu có ai phạm lỗi lầm thì họ sẵn sàng theo lệnh"*.

Lính thôi không hành hạ giáo dân, chỉ tịch thu các vải vóc trang hoàng, các đồ đạc, và bắt các người Công giáo giải đến phủ. Quan chỉ bắt giam thầy giảng và một người đứng đầu, còn cho tất cả về nhà. Trong tù, thầy tiếp tục giảng đạo cho những người đến thăm. Nhà tù ở bên cạnh nhà một sĩ quan, ông tò mò muốn biết đạo mới này dạy những gì. Quan cho thầy một ngày để soạn những điều sẽ nói. Tới ngày, thầy trình bày trọn cả một ngày về việc Chúa tạo dựng trời đất, hình phạt cho những người không thờ lạy Ngài, về Chúa Giêsu Đấng Cứu Thế, các việc lạ Người đã làm, cuộc thương khó và phục sinh của Người. Sau cùng, thầy trình bày về các bổn phận của người Kitô, giải thích các giới răn Thiên Chúa. Các quan lớn nhỏ chăm chú theo dõi và đưa ra một vấn nạn như sau: *"Nếu Thiên Chúa quyền năng như thầy vừa nói, tại sao lại để thầy chịu khổ trong tù như vậy?"*

Thầy giảng thưa lại: *"Nếu Chúa muốn thì việc giải thoát các tín hữu bị tù rất dễ như Chúa đã làm trước đây, nhưng chịu đau khổ vì lòng yêu mến Thầy mình là một vinh dự lớn lao và niềm vui khôn tả. Bởi vì chính Chúa đã chịu chết vì yêu thương chúng ta"*. Sau đó họ lại đem thầy về nhà giam.

Sau khi quan trấn đi lên kinh chúc tuổi vua trở về, ông cho gọi hai tù nhân Công Giáo đến hỏi họ có phải là đạo trưởng không, tại sao mặc áo tang và sao lại có nhiều vải vóc đẹp như thế. Quan ra lệnh đem vải cho người lương, ảnh tượng Chúa chịu nạn và các ảnh khác phải đem đốt giữa nơi công cộng. Đang khi ngọn lửa thiêu rụi ảnh tượng thì hai người tù Công Giáo quì gối thờ lạy, lớn tiếng đọc các kinh. Còn về các đồ trang hoàng đạo, ông cai đội xin quan phát cho lính thay vì đem đi đốt, nhưng quan nhấn mạnh rằng phải đốt, nếu không các vải ấy lại được đem ra chợ bán, sẽ không trừ tuyệt được cái xấu. Hai tù nhân lại được đưa về nhà giam vì đức tin nơi Chúa Giêsu. Ít lâu sau mỗi người bị đánh đòn 15 roi và nộp một số tiền phạt rồi được tự do. Phần quan, quan hỏi mấy ông cai đội rằng bên lương có tôn kính các thần phật với những lễ nghi và đồ thờ sang trọng như vậy không. Họ đều trả lời là không. Quan lại nói: *"Nếu người Công Giáo được tự do họ sẽ làm các lễ nghi long trọng, trang hoàng nhà thờ rực rỡ toàn bằng những thứ đắt tiền, trong khi các đạo khác chỉ dùng giấy vàng mờ và các đồ rẻ tiền"*.

2. Sắc lệnh cấm đạo năm 1696

Từ giữa tháng 8 năm 1694 quan trấn xứ Nam, nơi có cảng phố Hiến, công bố lệnh cấm đạo cũ, và ra lệnh bắt các người Công Giáo nào hội họp hay đeo ảnh ra ngoài. Các vi thừa sai phải lẩn trốn, giáo dân chỉ

dám họp hai tháng một lần để nghe đọc bài giảng và đọc kinh chung. Ngoài ra quan trấn xứ Nam còn vận động tại triều đình để công bố lệnh cấm đạo mới. Tại kinh có nhiều hoạn quan ghen tức vì thấy giáo dân tự do họp đông đảo, nhất là trong dịp an táng, nên đe dọa rằng: "Trong ít ngày nữa các người sẽ không có thể làm như vậy được nữa đâu".

Trước tình thế này, Đức Cha Bourges, đang ở Kinh Đô, liền cậy nhờ một quan huyện đã về hưu, để can thiệp với con là một quan phủ nhằm ngăn chặn âm mưu kiến nghị sắc lệnh cấm đạo mới. Nhờ đó đã không có lệnh cấm đạo mới, viện lẽ rằng các điều thỉnh cầu đã có trong các lệnh cũ rồi.

Thế nhưng ngày 20-7 năm 1696 một tàu Hòa Lan cập bến với hai vị thừa sai Dòng Tên người Bồ Đào Nha và nhiều đồ đạo. Ông thuyền trưởng không đề phòng trước, nên khi bị khám xét các đồ đạo đã bị phát giác. Thế là nội vụ được phúc trình về triều đình kèm theo lời tố cáo là Cha Vite Tri và Thầy Văn Hội thường hội họp đông đảo giáo dân. Trịnh Căn nổi giận, trách mắng các quan tại Kinh và ra lệnh bắt hai vị tông đồ này. Ba toán lính được lệnh lục soát nhà Cha Vite Tri, Thầy Văn Hội và nhà Đức Cha Bourges. Ban đầu Cha Tri trốn xuống thuyền, nhưng thấy các quan giận dữ làm hung hơn, cha đã ra nộp mình. Trong các đồ bị tịch thu có sách vở, và nhất là sổ sách các nhà thờ và tên các giáo hữu. Thế là 17 người bị bắt trói. Triều đình còn trách các quan lớn là để hai cha Dòng Tên len lút mà không thông báo cho triều đình.

Ngày 4-8 các quan lớn đưa các đồ đạo đến Chùa Tháp để đốt, bắt Cha Vidal Dòng Tên đến chứng kiến, còn Cha Sequeira vì đau không đến được. Buổi đốt đồ đạo lâu đến 6 giờ. Sau đó quan trách mắng Cha Vidal đã dối vua, mang vào nhiều đồ đạo, và ra lệnh rằng lần này vua còn dung tha nhưng phải rời nước ngay. Cha Sequeira đã chết trên thuyền khi đi về biên giới Trung Hoa. Dồn dập trong những ngày này nhiều sự kiện bất lợi cho đạo. Ngày 8-8, một tàu từ Siam trở về với hai cha Dòng Tên người Tây Ban Nha và bốn thầy từ chủng viện ở Thái Lan và nhiều đồ đạo khác. Các thầy đã khéo léo trốn xuống được với một ít đồ đạo, còn lại số lớn đã phải đốt trước khi quan xuống khám xét. Một tuần sau lại có tin là 7 giáo dân, xứ Tiên Chu gần Phố Hiến, bị lương dân tố cáo đã bị đánh đòn và nhà thờ bị đốt. Ngày 15-8 Đức Cha Bourges và hai vị thừa sai bị triệu đến phủ và trách mắng 3 tiếng đồng hồ.

Ngay sau khi trục xuất hai cha Dòng Tên, Trịnh Căn cho công bố lệnh cấm đạo toàn diện. Đại ý như sau: *"Đạo Hoa Lang là một thứ đạo đầy lầm lạc, nghịch lại với lý lẽ, dụ dỗ dân chúng và đã bị các tiên vương nghiêm cấm nhiều lần. Trẫm lấy làm ngạc nhiên vẫn còn nhiều người nam cũng như nữ dễ dàng bị lôi kéo theo. Vì vậy Trẫm cấm những cái xấu xa và nghịch lý sau đây. Từ rầy về sau nếu các đạo trưởng len lút tập họp dân chúng để giảng đạo, và nếu có người nào đem lòng tin theo con đường lầm lạc này, thì các quan tại kinh đô phải xem xét cẩn mật, các quan trấn thủ và quan án tại các tỉnh phải trông chừng chu đáo trong địa hạt của mình. Nếu bắt được đạo trưởng thì phải xét xử theo luật, còn giáo dân khi bị bắt thì phải đánh, đàn ông 50 roi lớn, đàn bà 50 roi nhỏ, và cắt tóc đằng sau gáy. Nhà nào chứa chấp đạo trưởng, nếu đạo trưởng là người Âu Châu sẽ bị phạt nặng hơn là đạo trưởng và thầy giảng người Việt. Về các nhà thờ và đồ đạo phải thiêu hủy hết để tận diệt hoàn toàn giáo phái hư hỏng này. Lệnh này phải được triệt để thi hành, quan án nào chểnh mảng để cho giáo phái này còn tồn tại sẽ bị trừng phạt xứng đáng. Ngày 10 tháng 7 năm thứ 17 của Hoàng Đế trị vì".* Sắc lệnh được niêm yết tại hoàng cung ngày 15-7 tức là ngày 12-8-1696 Dương Lịch.

Các quan còn tuân lệnh trừng phạt chưa đích đáng, hoặc phải ghi rõ là bị tù chung thân, hoặc bắt nộp phạt thật nhiều tiền. Các tù nhân tại kinh đô được trả tự do, chỉ có Cha Tri và Thầy Hội bị giữ lại. Còn các linh mục ở ngoài, người thì phải giả dạng làm kẻ ăn mày để gặp các giáo dân hay kẻ liệt, người khác làm nghề bán thuốc dạo, cha nào may mắn hơn quen thân với các quan lại thì xin làm thơ ký để được đến thăm viếng bốn đạo. Chỉ trừ các cha ngoại quốc là không có cách nào giả dạng được cả. Nhiều nhà thờ đã bị phá hủy hoặc đốt cháy, những nhà thờ còn lại được chuyển thành nhà ở. Linh mục hay thầy giảng nào tình cờ bị bắt, thì giáo dân phải đút lót số tiền khổng lồ. Tồn hại do sắc lệnh cấm đạo vừa công bố thật quá lớn, nhất là tại xứ Nam. Phần lớn các nhà thờ bị đốt, khá đông các cha bị bắt và phải chuộc tiền.

Tuy nhiên cũng chỉ một năm sau các quan quên đi, và các giáo dân không còn hội họp nữa, ngoại trừ các

lần gặp nhau trong đám tang và đám cưới. Các cuộc bách hại địa phương vẫn tiếp tục. Năm 1705, một nguy cơ rất có hại cho đạo Công Giáo xảy ra nhân vụ một cha Dòng Tên, người Việt Nam, bị treo chén và loại khỏi dòng, tên là Leon, đã thông đồng với người lương làm một tờ tố cáo. Trước khi trình quan, hai người mang đến gặp Đức Cha Bourges để đòi một số tiền lớn, nếu không sẽ trình quan. Trong tờ đơn tố giác rằng hai giám mục ngoại quốc đã chia nhau lãnh thổ, giao cho các linh mục coi giữ như một thứ triều đình. Bản tố cáo còn kể tên các linh mục, các nhà thờ, và nhà ở của các ngài nữa. Vì chúng đòi hỏi một số tiền quá lớn, Đức Cha Bourges không thể thỏa mãn, đơn tố cáo được trình quan. Đức Cha Bourges đã phải đút tiền cho các quan để nội vụ được dàn xếp là đơn kiện cáo do sự xích mích giữa chủ và tớ, các quan không xét.

3. Cuộc xưng đạo anh dũng của trinh nữ Luxia, 14 tuổi

Các tù nhân Công Giáo đã chịu đựng những khổ hình rất can đảm và kiên quyết. Đặc biệt phải kể đến gương của Luxia, một thiếu nữ tuy còn nhỏ tuổi nhưng lại rất anh hùng và gan dạ. Cô mới rửa tội được ba năm. Trong suốt thời gian ở trong nhà tù, cô đã giấu một tấm khăn trải bàn thờ bên trong mình. Cô bị tra tấn và đánh đòn như những người khác. Mặc dù cô phải đau đớn hơn vì thân thể còn non nớt và sức chịu đựng còn dòn mỏng, thế nhưng cô không ngớt khuyến khích các người tù khác nhẫn nại chịu đau đớn và khổ cực của cảnh tù đầy. Cô thường nói: "*Chính vì Thiên Chúa mà chúng ta chịu khó, chính vì Chúa Giêsu, vì đạo thánh*".

Khi các tù nhân được giải đến trước mặt quan, với những vết thương và da thịt rách nát trên thân thể, quan sợ có thể làm chết người nên đã dạy thầy thuốc săn sóc. Chỉ có vết thương của cô bé là không thuyên giảm. Cô thường xuyên bị nhức nhối trong đầu. Sau được trả tự do, về nhà cô vẫn can đảm chịu đau đớn làm nhiều người khâm phục. Cô chết 13 ngày sau khi được trở về nhà. Những người quen biết và các tín hữu báo cáo là họ coi cô như một vị thánh trinh nữ tử đạo. Năm ấy cô mới 14 tuổi.

Từ khi Đức Cha Deydier chết năm 1693, tòa thánh có dự án mới, giao địa phận Đông Kỳ cho các giám mục không phải là người Pháp. Năm 1698 tòa thánh cử Cha Lezzzoli, Dòng Đa Minh người Ý, coi địa phận Đông, nhưng mãi đến năm 1702 sắc lệnh mới đến Bắc Việt. Địa phận Đông Kỳ có các cha Dòng Tên, Dòng Đa Minh, Dòng Augustinô, và các linh mục triều người Việt Nam. Trong thời kỳ này có nhiều tranh chấp nội bộ gây ra nhiều gương xấu, đồng thời có lệnh của Đức Thánh Cha cấm các việc lập người chết và để bàn thờ tổ tiên trong nhà...

Các vị thừa sai người Pháp chính thức được phép triều đình cư trú như những thương gia Pháp, nhưng đã 30 năm không có tàu buôn đến, chỉ có một lần đại sứ Lerebre đến biếu nhiều quà thôi. Các vị thừa sai phải dứt lốt nhiều tiền cho các quan để được yên thân ở lại trong nước, điều khiển địa phận và huấn luyện linh mục. Các ngài vẫn bị coi là vô dụng.

Năm 1709 Trịnh Căn chết, để quyền lại cho cháu là Trịnh Cương, một người muốn cải tổ chính quyền và tập trung quyền hành. Vị chúa trẻ tuổi này lại không quen biết gì các cha thừa sai Pháp. Mọi người e sợ một cuộc cấm đạo mới.

1. Sắc lệnh cấm đạo 1712 trục xuất 3 vị thừa sai Pháp

Từ tháng 10 năm 1710 hội đồng phủ chúa đã bắt đầu bàn định việc trục xuất ba vị thừa sai Pháp, và ra sắc lệnh cấm đạo. Giám Mục Bourges đã già yếu, phải xin giáo dân cầu nguyện để con giống bão không xảy đến.

Bắt đầu tháng 4-1712 bão tố khủng khiếp xảy đến cho giáo hội như chưa từng có từ một thế kỷ qua, khi đạo Công Giáo được rao giảng tại đây. Nguyên nhân chính là một nhà sư có pháp danh là Cháy, một trong các cố vấn. Trong kiến nghị về việc trị nước, nhà sư Cháy đã trình bày việc phục hưng Phật Giáo và lập lại các sắc lệnh cấm đạo Công Giáo, vì đạo này khinh bỉ các thần phật và lễ luật, truyền bá khắp các địa hạt, có đông đảo người theo đến nỗi có thể nổi loạn được. Bài viết này đã làm hải lòng Trịnh Cương và mọi chi tiết được đem ra thi hành.

Ngày 27-4 có lệnh cho quan lớn ở kinh đô phải bắt các đạo trưởng. Lính đến hai nhà thờ nhưng không bắt được các cha, chỉ bắt mấy thầy và người coi đền. Ngày hôm sau Thầy Phêrô Hiệp và Pie Mi Lộc đã can đảm xưng đạo, nhất định không đánh vào ảnh tượng. Quan còn cho lính lục soát nhà các vị thừa sai ba lần nhưng không tìm ra được đồ đạo nào. Mọi vận động để ngăn chặn cơn giông tố bắt đạo đều vô hiệu. Ngày 8-5 các vị thừa sai nhận được lệnh cấm đạo, và cả ba vị bị bắt giải lên kinh đô. Đức Cha Bourges vì già yếu không thể ra hầu tòa, chỉ có Đức Cha Phó Belot và linh mục thừa sai Guisain. Các ngài mặc áo thương gia ra trả lời 14 câu hỏi của hội đồng cố vấn. Cũng trong ngày hôm ấy, lệnh cấm đạo được dán tại cửa sân triều đình.

Nội dung sắc lệnh như sau: *Đạo Hoa Lang đã lạm dụng tình hữu nghị để lừa dối những người ngu dại, dụ dỗ nhiều người khác tin theo. Người nào tin theo là làm nghịch lại đạo giáo của quốc gia, nghịch lại lương tri, và hơn nữa còn muốn xóa bỏ đạo lớn. Từ trước các vị cố vấn khôn ngoan và sáng suốt đã nghiêm cấm đạo này, nhưng các người đứng đầu đã không chịu từ bỏ lại còn tăng thêm số người theo đạo nữa. Nếu chúng ta không trừ diệt, dần dần người dân sẽ theo phái giáo này, vì chưng lòng người dễ chiều theo và sợ rằng sẽ đem đến nguy hại cho quốc gia. Vì vậy cần phải chấm dứt mọi tiến triển của đạo này và chấn chỉnh trật tự chung. Vậy các tín hữu đã theo đạo phải sửa sai lầm lỗi. Nếu ở kinh thì phải nộp sách và đồ đạo tại các phường trưởng, còn ở miền quê thì nộp cho các xã trưởng để đem đốt trước mặt mọi người. Ngoài ra các tín đồ còn phải viết tờ xuất giáo từ bỏ tà đạo và trở về đường ngay trong thời hạn một tháng. Hết thời hạn, nếu bắt được người nào còn theo đạo này hoặc tàng trữ đồ đạo thì cho phép phường trưởng, xã trưởng hay bất cứ ai được tố cáo với quan án. Sau khi đã bắt và xét xử, và nếu*

thấy có tội trạng thì giao nộp cho quan trấn để cắt tóc đằng sau gáy, thích 4 chữ "Học Hoa Lang Đạo" vào mặt để làm gương cho các người khác còn mù quáng tin theo. Mỗi người bị kết án phải nộp tiền phạt là 100 quan tiền để thưởng công cho người cáo giác. Còn về phần ba đạo trưởng ở khu phố thuộc xứ Nam thì phải trục xuất về nguyên quán, không cho phép trở lại xứ này nữa. Về phần người Bồ Đào Nha còn trốn tránh trong các xứ để giảng dạy đạo thì các quan trấn có nhiệm vụ lùng bắt và giải về triều đình để diệt trừ tà đạo này. Để danh chính ngôn thuận các quan phải công bố sắc lệnh này. Ban hành năm thứ 8 triều đại Vĩnh Thịnh, ngày 22-3 (27-4 Dương Lịch) và công bố ngày 16-4 (10-5 Dương Lịch).

Sắc lệnh này được gửi cho khắp các trấn, huyện, xã và các làng. So sánh với các lệnh cấm đạo trước thì sắc lệnh này thật nghiêm khắc, người bị bắt phải thích chữ vào mặt và kẻ tố giác được thưởng tiền. Tuy nhiên người ta vẫn gọi đạo Công Giáo bằng cái tên khinh bỉ là đạo Hoa Lang, đạo của người Bồ Đào Nha chứ không gọi là Đạo Đức Chúa Trời như người Bắc Kỳ gọi. Các quan trấn không mấy nhiệt tâm lùng bắt, nhưng các thuộc quan hay xã trưởng vì muốn làm tiền hoặc vì ghen tức với đạo nên dễ quyết tâm lùng bắt. Tất cả các cha và các thầy phải ngưng việc tông đồ đi trốn lánh ở những nơi kín đáo không ai biết, kể cả người nhà. Một số cha khác xuống thuyền sống trôi dạt trên các sông, các thầy chèo thuyền bán hàng rong hoặc làm nghề bán thuốc. Lệnh cuối cùng trục xuất ba vị thừa sai là ngày 21-1-1713. Ngày 30, thuyền chở các ngài ra khơi nhưng có ý định đến Nghệ An sẽ để Đức Cha Phó Belot và Cha Guisain lên trở vào.

2. Nghĩa cử dũng cảm của giáo dân trong thời gian bắt đạo

Trong cuộc lùng bắt tại Kinh Đô Thăng Long hôm 27-4-1712, có năm người bị bắt là Thầy Hiệp, Thầy Xuân, Thầy Mi Lộc và hai giáo dân. Ngày hôm sau cả năm người bị thẩm vấn lần thứ nhất. Thầy Hiệp rất thông thạo chữ Hán và sách Trung Hoa nên đã thao thao trình bày rằng đạo lý Đức Chúa Trời là đạo chân thật, và các bôn phận của tín hữu là trung thành với Thiên Chúa, với triều đình, và với cha mẹ. Tài hùng biện của thầy khiến nhà sư Cháy "thường" cho 15 dùi đập vào đầu gối. Quan án bắt thầy bỏ đạo, nhưng thầy đã thưa lại rằng đạo Đức Chúa Trời là đạo thật, thầy sẽ không bao giờ bỏ để thờ kính thần phật, vì thần phật cũng là người như hết thảy mọi người khác. Thầy lại được "thường" thêm 10 dùi vào đầu gối. Tiếp đến là Thầy Xuân bị tra hỏi và bắt đập ảnh. Thầy đã can đảm chống lại tất cả những ép buộc trên. Sau cùng họ bắt thầy cầm dùi mà đánh vào ảnh tượng. Thầy lại từ chối nên phải lãnh 10 dùi vào đầu gối. Lần lượt tới phiên thầy Lộc và hai giáo dân cũng thế.

Ngày 28-5, các vị lại bị tra vấn lần thứ hai. Bắt đầu bằng những trận đòn như từ. Sau đó quan lại bắt ép họ thờ lạy các thần. Từng người một can đảm thưa: *"Tôi không bao giờ dám làm tội ác ấy"*.

Quan lại dọa: *"Nếu các người không thờ lạy thần thì ta phải lấy đầu các người để tế thần"*.

Tất cả đồng dạc thưa: *"Chúng tôi thà chết còn hơn làm điều ấy"*.

Các quan quay vào nói với nhau: *"Không biết bọn họ là giống người gì mà muốn chịu đòn đánh và chết hơn là đánh đập các ảnh tượng hoặc dâng hương thờ lạy các thần"*.

Sư Cháy đã nài nỉ Chúa Trịnh ra lệnh chém đầu những người này làm gương. Chúa Trịnh chỉ trả lời là trong các triều đại trước chưa có giết chết người nào vì đạo cả. Lý hình lại đánh vào đầu gối và mông các ngài, sau đó cầm chân lôi đi như xác chết con vật xa hai chục bước. Có nhiều người leo lên cây hoặc mái nhà để được xem thấy cảnh tượng này. Nhiều người chảy nước mắt trong khi Sư Cháy hò hét đánh thêm.

Sau đó cả năm người bị giam tại năm nhà khác nhau cùng với những người trộm cướp. Hai thầy già bị cùm chân, nhưng ba người khác lại bị hành hạ tàn nhẫn hơn. Riêng người trẻ nhất mới có hai mươi tuổi và là bôn đạo mới, cha mẹ còn ngoại đạo hằng ngày đến dụ dỗ bỏ đạo nhưng cậu đã can đảm từ chối mọi sự giúp đỡ của cha mẹ.

Cuối tháng Giêng năm sau, ba người, Thầy Pie Mi Lộc và hai người giáo dân, lại bị đưa ra trước hội đồng

để bắt ép tế thần, vì sau khi có lệnh bắt đạo, cả nước gặp cơn đói kém khủng khiếp, triều đình đã phải ra lệnh tế thần cầu an. Lần này ba vị vẫn khẳng khái quyết một lòng theo Chúa Giêsu và không chịu tế thần. Các quan trong hội đồng nhìn nhau cười như muốn nói rằng những bách hại bắt công không thể tiêu diệt được niềm tin chân chính. Vào dịp cuối năm, ba vị lại bị điệu ra bắt ép như những lần trước, các ngài vẫn một mực, trước sau như một, trung thành với đức tin Công Giáo. Các quan tức giận ra bản án cho các vị phải tù chung thân.

Ngoài ra khi hay tin ba vị thừa sai bị bắt và giam tù thật khổ sở, hai thầy giảng và Cha Hợp viết thư cho giáo dân tại Giao Thủy, thuộc quyền coi sóc của các cha Đa Minh, để xin trợ giúp vì họ ở gần kinh đô. Các giáo dân ở Giao Thủy nghĩ là thư của đức cha cậy nhờ, nên họ vội vàng triệu tập giáo dân kéo về Kinh Đô trên 15 chiếc thuyền chở đầy gạo và thực phẩm. Họ hỏi đức cha phải làm thế nào theo như thư đã gửi. Đức Cha Bourges lo sợ nói với họ đó không phải là ý ngài và cần phải giải tán ngay, nếu không tất cả sẽ bị chém đầu không phải vì đạo Chúa nhưng như những người phản loạn. Nghe vậy họ lại kéo nhau về. Việc này chứng tỏ tinh thần của giáo dân rất cao độ, sẵn sàng hy sinh theo lệnh các vị chủ chăn.

Sau thời hạn một tháng để viết giấy bỏ đạo, tại những làng có đông người Công giáo thì không có ai viết giấy bỏ đạo cả, nhưng tại các làng có ít người Công Giáo thì họ viết chung một tờ nói là không theo đạo Hoa Lang như lệnh vua đã cấm mà chỉ thờ Đức Chúa Trời. Tại những làng ngoại đạo sùng Phật thì giáo dân gặp nhiều khó khăn vì họ bắt phải đóng tiền và đến tham dự các buổi cúng tế. Những người này bị đánh đập và nộp tiền phạt rất đông, kể ra không hết. Riêng tại địa phận Đông Kỳ có 304 người bị thích chữ "Học Hoa Lang Đạo", 11 nhà của các cha bị phá hủy, 183 nhà thờ bị dỡ đi.

3. Cha Giuse Phước, một Linh Mục thời danh Bắc Kỳ, bị kết án tù chung thân năm 1717

Cha Giuse Phước được gọi với danh hiệu xứng đáng là bông hoa và hạt ngọc của linh mục Bắc Kỳ. Ngài quê tại Thanh Hóa, dâng mình trong nhà Chúa ngay từ hồi nhỏ. Ngài được đưa sang Siam để học và chịu chức linh mục năm 1689 lúc 29 tuổi do Đức Cha Laneua, đại diện tòa thánh tại Siam.

Năm 1691 ngài trở về Bắc Kỳ làm việc trong khiêm nhường như một người tập sinh sốt sắng bồn phần, nhiệt thành tông đồ. Biết rằng đời sống linh mục lấy sức mạnh từ việc kết hợp với Chúa, Cha Phước giữ đều đặn các giờ cầu nguyện và suy ngắm, tránh những cuộc chuyện trò vô ích. Bề trên có hỏi thì ngài chỉ trả lời những cái cần thiết. Khi trình bày những khó khăn thì rất chính xác, khi người ta hỏi xin gì thì ngài cho ngay, không hỏi han lý do. Khi có kẻ liệ, ngài vội vã đi ngay và dọc đường không hỏi han hoặc nói năng để tránh lương dân. Tóm lại, ngài rất tự chủ, không bao giờ tỏ lộ buồn vui hay sợ hãi quá đáng. Trong thời kỳ bắt bớ, phải có lệnh riêng của đức cha ngài mới ngưng các việc thiêng liêng giúp đỡ đạo. Ngài đã được giới thiệu sang tòa thánh để cử làm giám mục.

Trong những năm đầu coi sóc tỉnh Thanh Hóa, ngài đã trừ được nhiều quỷ và làm cho nhiều người nhận biết Thiên Chúa. Chẳng hạn một người đàn bà bị quỷ ám đã 12 năm chữa chạy không khỏi, sau năm sáu lần đến với Cha Phước, bà đã được ngài chữa lành mạnh. Sau đó ngài được cử đi coi xứ tại tỉnh Nghệ An, nơi có nhiều quan kiểm soát hàng hóa nhưng ngài không bao giờ bị lộ tông tích. Một hôm ngài cất dấu bánh thánh trên mũ, các chú giúp việc hỏi ngài nếu họ khám xét mũ thì sao? Ngài mỉm cười dí dỏm trả lời: "Có thiên thần mới biết được những cái cha giấu". Ngài cũng mang theo sách Nguyễn luân bên mình, nhưng giấu dưới nách áo.

Trong cuộc bách hại năm 1712, khi Cha Phước đang ở xứ Ngải Lang thì những người lương đã tố cáo với quan. Quan cho lính đến tịch thu nhiều sách và đồ đạo, trong đó có ảnh Đức Mẹ Mân Côi để rước kiệu, đồng thời bắt giữ nhiều giáo dân. Bốn gia đình giữ các đồ đạo phải nộp phạt 76.000 đồng. Họ bị giam mãi cho tới cuối năm và nộp phạt 15.000 đồng. Những kẻ tố cáo, người thì phải chết, người thì bị tội. Cũng trong thời kỳ này một nhà dòng Mến Thánh Giá bị thiêu rụi, nhà khác bị các quan đến phá và bắt giam một người.

Mùa Chay năm 1713, Cha Phước trở lại coi tỉnh Thanh Hóa. Năm 1714, ngài báo là có 12 giáo dân bị bắt.

trong số đó một bà bị giam giữ vì cổ đeo tràng hạt. Bà phải nộp phạt 3.000 đồng.

Năm 1715, quan tỉnh từ Kinh Đô trở về đến Kẻ Trăn thì có ba người lương đến tố cáo là Cha Phước đang làm lễ cho khoảng 1.000 giáo dân. Sáng hôm sau, khi quan đang ngồi ăn tại quán thấy có ba người đàn bà đi qua liền bắt vào lạy Phật ở chùa bên cạnh, nhưng các bà không chịu. Quan sai lính đến nhà thờ, chúng đến ngay phòng Cha Phước. Lúc bấy giờ ngài đang cầu nguyện, nhưng vì tội quá chúng không thấy nên ngài trốn đi được. Chúng bắt một thầy giảng đang bị đau, hai giáo dân vì cổ đeo tràng hạt, và tịch thu rất nhiều sách. Chúng còn đang muốn vào một nhà khác có nhiều đồ đạo, nhưng giáo dân khóc như là có người chết nên chúng mới thôi. Một ít lâu sau quan trả tự do cho họ. Hai người tố cáo thì bị tai nạn chết ngay. Dân chúng từ đó rất kinh sợ.

Năm 1717 theo ý Chúa định, Cha Phước bị bắt trên thuyền tại làng Kẻ Hôi, huyện Gia Viễn, tỉnh Thanh Hóa, cùng với thầy giảng và nhiều sách đạo. Ngay lúc ấy quan cho đánh đầu gối hai ngài và bắt mang gông cùm. Sau đó quan cho gọi dân chúng đến làm bản điều tra, và chính quan áp giải cha lên Kinh Đô.

Ngày 21-5, cha và ba thầy giáo bị điệu ra trước hội đồng và ngày 1-6 cuộc thẩm vấn bắt đầu: *"Ông ở đâu?" - "Tôi không có nơi ở nhất định. Tôi ở luôn dưới thuyền và đi dọc các con sông để cho thuốc những ai cần và dạy đạo cho những ai muốn nghe tôi". - "Người học đạo ở đâu?" - "Khi còn nhỏ tôi đã xuất ngoại sang Siam để học. Sau nhiều năm tôi trở về Bắc Kỳ". - "Như vậy người đã đi hải ngoại bao nhiêu năm và đã trở về khi nào?" - "Đã từ lâu lắm rồi tôi không còn nhớ chắc được". - "Người thật đáng chết".*

Lúc ấy một tên ký lục thưa: *"Thưa quan, linh mục này là người có nhân đức tin mạnh mẽ. Chỉ cần thấy và nghe ông ta nói là đã cảm phục. Tôn giáo này có nhiều thói hay".*

Quan lại hỏi ba thầy. Một thầy trả lời đồng dục, hai thầy khác trả lời lí nhí nên bị đánh đầu gối. Thế rồi chúng đưa các đồ đạo ra khảo xét rồi hỏi: *"Từ đâu các người có những đồ trang hoàng rất sạch sẽ này?" - "Tôi nhận từ mấy người ngoại quốc mà chúa Thượng đã trực xuất cách đây 5 năm". - "Các người dùng vào việc gì?" - "Tôi dùng để ngợi khen Thiên Chúa và cầu nguyện cho thế giới, cho Bắc Kỳ, cho Hoàng Thượng, cho chúa Thượng, cho mọi gia đình được thịnh vượng". - "Nhưng người phải thiêu hủy hết theo lệnh vua đã ra". - "Tôi là một thần dân rất vâng phục lệnh vua và chúa, nhưng không dám làm điều đó vì tôi sợ phạm đến Vua Trời Đất".*

Quan lại đưa ảnh chuộc tội ra và hỏi: *"Người treo trên đây là ai?" - "Đó là Chúa Giêsu Kitô Đáng Cứu Thế từ trời xuống để chuộc tội cho thiên hạ". - "Người phải dầy đạp dưới chân hoặc lấy vỏ mà đập". - "Tôi không dám phạm tội ghê gớm ấy".*

Họ đe đánh ngài thì ngài nói thà chịu khổ còn hơn làm việc tội ác. Cả ba người giúp việc cũng bị tra khảo và cũng theo gương cha đã không làm việc tội ác. Một án quan nói: *"Thật vô ích với bọn này, chúng thà chịu cắt làm trăm miếng còn hơn làm việc quan ra lệnh. Hãy xem đó, trong tù còn nhiều người như thế bị án giam suốt đời".*

Lần này họ kết án Cha Phước phải mang gông gấp đôi và giam tại ngục thất, còn đồ đạo thì bỏ vào một hòm buộc chặt lại. Viên cai ngục thấy cha Phước thì mến và cho ngài giam riêng tại nhà mình và để giáo dân đến tự do. Cha Phước viết thư xin đức cha năng ban bí tích cho giáo dân Kẻ Chợ. Cha còn được phép đi xa để làm việc tông đồ và luôn có một tên lính đi kèm.

Cuối năm 1717, vụ án Cha Phước được đem ra bàn lại. Một vài quan cố vấn đề nghị trả Cha Phước về nguyên quán, nơi bị bắt, sau khi nộp phí tổn nhà tù và khắc chữ lên trán. Khi viên cai ngục nói là Cha Phước không thiếu thứ gì mà giáo dân không mang đến, quan liền nổi giận ra lệnh bắt những giáo dân thường lui tới. Họ chỉ bắt được một cậu bé. Trong khi bàn luận thì bà mẹ của Chúa Trịnh, nghe theo lời của ông sư ghét đạo, yêu cầu xử tử Cha Phước. Trịnh Cương trả lời rằng vua cha không giết ai theo đạo này và mình cũng không muốn. Một quan khác lại đề nghị xử tử làm gương hậu có thể hủy diệt đạo này. Chúa Trịnh chỉ ra án cho ngài phải tù chung thân.

Thế là Cha Phước được đưa sang nhà tù Ngục Đông, nơi giam những người phải tù suốt đời. Trong đó hiện có ba người tín hữu bị giam từ cuộc bắt đạo năm 1712. Trong số đó có Thầy Pie Mi Lộc, rất giỏi làm thuốc, được quan cho phép làm một nhà riêng trong khu giam. Tại đây Cha Phước có thể dâng lễ. Ngài còn có thể bí mật đi ra ngoài để dâng lễ và giải tội cho giáo dân.

Năm 1720 có một người Công Giáo, tên là Văn Sao, giảng đạo sai lầm tại Kinh Đô, Cha Phước đã cấm giáo dân nghe.

Năm 1721, một trong anh em của Chúa Trịnh ốm nặng cho mời Cha Phước đến để học đạo và xin rửa tội. Sau ba ngày ông khỏi bệnh và nhà của ông biến thành nhà hội họp của giáo dân. Cũng năm ấy lại có một cuộc bách hại dữ dội hơn và Cha Phước bị giam ngắt mất 6 tháng. Trong tù cũng có một nhà sư được một bà hoàng hứa trả tự do, nếu ông lấy được mấy đồ lễ của Cha Phước. Lính gác hay được nên cấm cha làm lễ và ra ngoài. Chính trong nhà tù lại là nơi tự do cho giáo dân được gặp cha. Có khi vì sợ ở nhà, họ đã mang các sách vào tù nhờ Cha Phước giữ. Nhờ thế mà tại Kẻ Chợ có cha chăm sóc cho giáo dân. Năm 1723 khi Cha Bucharelli và 9 người giáo dân bị xử chém, Cha Phước và hai bạn tù cũng tưởng mình được chung số phận nên đã dọn mình sẵn sàng. Nhưng ý Chúa lại khác, thầy già Pie Mi Lộc chết trong tù ngày 4-5-1726, thọ 71 tuổi.

Năm 1732, lần cuối cùng Cha Phước được ra ngoài làm lễ. Sau lễ, cha phải nghỉ vì mệt, các người nhà tranh luận với nhau, người thì muốn để cha nghỉ, người khác muốn đưa cha về nhà giam ngay. Thấy vậy cha nói với họ: *"Các thiên thần không có tranh luận với nhau."* Về lại nhà giam cha mệt và ngã bệnh. Đức Cha Neez ban đêm đã đến ban các bí tích sau cùng. Ngài trút hơi thở cuối cùng ngày 10-2-1732. Dân chúng tuôn đến nhà giam hôn kính chân tay và xiềng xích của ngài suốt một ngày rưỡi. Sau khi quan đã giám xét, xác cha được trao cho giáo dân. Đức Cha Neez chủ sự lễ an táng. Đức Cha Hilaire, coi địa phận Đông Kỳ, ca ngợi ngài như sau: *"Thay vì cầu nguyện cho cha, chúng ta xin ngài cầu nguyện cho, khi chúng ta trông vào gương sáng anh hùng của ngài"*.

4. Sắc lệnh đẫm máu năm 1721 và 1722

Năm 1720 có một học sinh của các cha Dòng Đa Minh tại Lục Thủy tên là Văn Sao loạn trí nên bị loại khỏi trường, liền đi rao giảng một thứ đạo hỗn hợp và xúi dân chúng nổi loạn, có khi tự xưng mình là vua xứ Bắc Kỳ. Anh ta bị bắt cùng với 150 người. Trong bản điều tra anh tố giác ba cha Dòng Đa Minh người Tây Ban Nha là lãnh tụ phản loạn và bốn trụ sở là sào huyệt. Các cha phải ẩn trốn khắp nơi. Người thì trong hầm thóc, người khác tại mộ ngoài nghĩa trang. Tháng 8-1721 nhân dịp lễ an táng Đức Cha Thập tại Trung Linh, có năm cha Dòng Đa Minh và 3.000 giáo dân tham dự, người ngoại đã tố cáo với quan. Quan sai lính đến khám xét nhưng mọi người đã giải tán. Ngày 21-9-1721 tại Kẻ Sặt một làng Công giáo có bốn trụ sở của các cha thừa sai cũng bị lính đến lùng bắt vì có người đàn bà xấu nét bị từ chối các bí tích đi cáo giác với quan. Sau cùng, cuối năm có lệnh bắt đạo mới.

Nguyên nhân của những cuộc bách hại lần này cũng vì nhà Sư Cháy, bấy giờ là chủ tịch hội đồng cổ vấn. Nội dung sắc lệnh mới như sau: *"Các quan án và 5 quan hội đồng cổ vấn truyền lệnh cho các trấn thủ: Đạo Hoa Lang đã làm xáo trộn thế giới và lừa dối thần dân. Các năm trước đã ra lệnh rất nghiêm ngặt, trục xuất đạo trưởng, tháo gỡ các nhà thờ và thiêu hủy ảnh tượng với mục đích trừ diệt tận gốc rễ sự dữ này ra khỏi lòng người dân. Thế nhưng thói tục mù quáng này chưa trừ được hết, vẫn còn đạo trưởng lên lút trong nước, đi khắp các tỉnh dựng nhà hội họp giảng đạo. Vì vậy cần phải tìm mọi cách loại trừ bằng được đạo giáo nguy hiểm này. Các trấn thủ phải sai lính đi lùng các huyện và làng xem đâu có nhà hội thì phải kê khai rõ ràng, tên gia đình chứa chấp, đoạn bắt trói giải về kinh đô. Các trấn thủ cũng phải lùng xem có những người nào theo đạo này hoặc nghe biết nơi nào khác có nhà hội họp giảng đạo, đồ đạo tàng trữ thì phải viết giấy tâu về kinh. Nếu lời khai là đúng với sự thật sẽ được trọng thưởng những đồ vật và ruộng vườn của người bị tố giác... Bảo Thái năm thứ hai ngày 19-10 (8-12-1721 Dương Lịch)".* Một lệnh thứ hai nhắc nhở các quan được gửi đi ngày 31-5-1722.

Lần bách đạo năm 1722 nhắm vào địa phận Đông Kỳ thuộc các cha Dòng Đa Minh. Các ngài trốn tại Kẻ

Rèm và Kê Hẹ đều bị phát giác, phải bỏ xuống thuyền chài cho dễ ẩn trốn. Quan quân lùng xét thuyền chài thì các ngài lại lên bờ. Họ khám xét một gia đình Công Giáo bắt được đồ lễ thì biết có đạo trưởng lén lút. Quan quân lùng bắt dữ tợn quá khiến thầy già Lễ, giúp việc Cha Sabuquillo, lo ngại cho các cha liền ra nộp mình trước mặt quan vào tháng 1-1722. Thầy tự nhận các đồ lễ là của thầy và xin trả tự do cho người giáo dân. Quan lấy làm lạ hỏi thầy: *"Ông có phải là thầy giảng không?"*

Ngài đã nhận ngay. Quan lại hỏi ngài đã giảng dạy những gì, thầy già Lễ thưa: - *"Tôi giảng dạy những giới răn của Thiên Chúa"*.

Rồi ngài đọc to tiếng cho các quan nghe. Quan lại hỏi ngài có vâng lệnh Vua cấm đạo không thì thầy trả lời: *"Bẩm quan, tôi thà chết cùng mất mọi sự, chẳng thà chối đạo đã giữ từ khi còn nhỏ"*.

Nghe vậy quan cho lệnh đóng gông và giam thầy trong tù. Trong tù thầy vẫn tiếp tục khuyên bảo những người khác. Vì đã 70 tuổi, thầy già Lễ không chịu nổi những hành hạ khổ sở trong tù nên đã chết rũ ngày 28-1-1722.

5. Cuộc tử đạo của 2 cha Dòng Tên và 9 giáo dân tại Bắc Kỳ năm 1723

Bắt được thầy già Lễ các quan vẫn chưa hài lòng vì chưa bắt được đạo trưởng. Kê Sắt bị lùng bắt cả thầy bốn lần, nhà thờ bị phá hủy và sáu giáo dân bị bắt giữ. Tại Cao Mại cũng có bốn giáo dân bị bắt trong khi quan quân lùng bắt Cha Chavez. Tại Nghệ An, một giáo dân tên là Thadêo Thọ, trước có ở nhà thầy, vì quá nhiệt thành đã vào đền Khổng Tử lật đổ các tượng và vát dưới đất liền bị bắt. Trước mặt quan ngài đã mạnh bạo thưa rằng: *"Tôi chỉ thờ lạy một Chúa chân thật và chê ghét mọi thần tượng khác bởi vì họ cũng là người được tạo dựng nên"*.

Ít tháng sau các tù nhân Công Giáo được mang ra trước các quan án để chọn lựa, hoặc chết vì trung thành với đức tin hoặc đập ảnh để được sống. Trước những dụng cụ hành hình và điệu bộ dữ dằn của lý hình, nhiều người tỏ dấu nao núng. Thấy vậy một vị bộ lão tên là Luca Thu, người Kê Sắt, đã lên tiếng thay cho các người khác: *"Ảnh chuộc tội này là hình Con Thiên Chúa đã thương làm người trần để cứu chuộc muôn dân. Dù với bất cứ giá nào tôi không bao giờ chịu đập dưới chân ảnh Thánh này"*.

Nói rồi ngài cầm tượng Chúa chuộc tội lên hôn kính và than thở: *"Lạy Chúa, lạy Thiên Chúa tôi. Các vị lòng đã chai cứng, các vị biết tâm tình của tôi nhưng chưa đủ, tôi muốn tỏ cho những người khủng bố tinh thần tôi bằng những cực hình ghê sợ biết rằng những thứ đó và ngay cả cái chết dữ tợn nhất cũng không thể lay chuyển được lòng tôi"*.

Quan còn dọa rằng nói như vậy là khinh dể các lệnh vua, đáng tội chết. Ông Luca Thu nhún nhường trả lời: - *"Tôi không bao giờ khinh thường luật lệ của xứ sở, nhưng trên trời còn có một vị Vua xứng đáng tôi kính thờ trên hết. Khi tuân giữ các giới luật của Ngài tôi dám chắc mình sẽ được một chỗ hạnh phúc đời đời bên cạnh Ngài. Các vị có tự do để cắt mạng sống tôi, nhưng tôi xin các vị viết bản án cho rõ ràng vì lý do gì đã kết án tôi. Xin hãy nói cho tôi biết tôi đã phạm tội gì, đã vi phạm luật lệ nào? Các vị có lẽ kết án tôi vì tôi đã theo đạo Kitô và tuân giữ các giới luật khôn ngoan của đạo này? Xin các vị biết cho rằng không có luật lệ nào của loài người có thể được phép cấm cản như thế. Các lệnh truyền cấm đạo chỉ là xúc phạm đến Thiên Chúa và đáng khinh chê"*.

Những lời khẳng khái trên đã làm tăng thêm những cực hình và kìm kẹp chân tay. Trên đường trở về nhà tù, thoáng trông thấy vợ, ngài đã bảo hãy nấu cho ngài bát cháo để chịu cực tiếp vì đó mới chỉ là trận đòn thứ nhất. Ngài bị tra tấn lần thứ hai rồi bị giam luôn trong tù hai năm cho tới ngày được chém đầu.

Lòng dũng cảm của Luca Thu đã khiến các quan chùn bước không tra tấn thêm các bạn tù. Vào cuối tháng 9-1722 có 2 cha Dòng Tên là J. B. Messari và Francoise Marie Bucharelli cùng với 3 thầy là Ambrosio Đào, Emmanuel Điền và Philipphe Mi bị bắt tại La Phù, Quảng Yên ở gần biên giới Trung Hoa. Các ngài bị xích chân tay và giải về kinh đô. Các ngài còn phải ngồi trong cũi hẹp, bị điều đi chân

không khắp thành phố để cho dân chúng nhạo cười và sau cùng phải phơi nắng lâu giờ. Thấy đám đông, các ngài nhân cơ hội giảng dạy đạo thánh Đức Chúa Trời cho họ. Các quan thấy vậy lại thôi không phơi các ngài ngoài phố nữa nhưng giam trong ngục thất. Trong phiên bàn luận về án xử các ngài, quan chánh án đã nói: *"Thưa quý vị, sắc lệnh của Hoàng Thượng chống lại đạo Kitô đã gây ra nhiều thiệt hại cho xứ sở, trở nên cớ cho nhiều cuộc bạo động đàn áp người dân lành, trẻ con cũng như người lớn. Tôi biết rõ các người Công Giáo, càng hành hạ thì họ càng can đảm. Họ có tinh thần ôn hòa, nhân từ với kẻ thù và đồng thuế phân minh. Chúng ta còn mong gì hơn nữa?"*

Một viên tướng, con rể của Chúa Trịnh, cũng bàn vào: *"Tôi không thể im lặng, tình trạng hỗn loạn làm cản trở việc thu thuế. Vì hoảng sợ dân chúng chạy trốn. Quang cảnh người già, đàn bà và trẻ con chạy trốn thật buồn thảm. Người thì đào hầm trốn tránh như là chôn sống, người khác thì vào trong rừng núi giữa muôn thú. Họ bỏ lại các tài sản khó nhọc làm ra và sẵn sàng chịu chết đói chết khổ. Trong nhà giam thì đầy rẫy những người tín hữu. Việc buôn bán càng ngày càng ế ẩm. Xin quý vị hãy động lòng trắc ẩn nghĩ đến những người khốn cùng đó. Một lời của quý vị có thể ngừng những bất công, đem lại bình an cho xóm làng. Những người Kitô đang bị lùng bắt là những người lương thiện không chê trách họ được điều gì. Họ trung thành với vua, nhiệt thành với việc phục vụ và đóng góp nhà nước rất chu đáo".*

Mọi người cũng thấy các lý lẽ nêu ra là phải nhưng không ai dám làm gì đảo ngược lại lệnh đã có sẵn. Trong cảnh giam tù 6 tháng với những hình khổ, cơn bệnh và thiếu ăn uống, Cha Messari đã chết rũ ngày 15-6-1723 để đi vào vinh quang Thiên Quốc. Thấy vậy các quan sợ phải khiển trách, đã cho mời y sĩ đến chăm sóc cho các tù nhân để chờ ngày hành quyết. Xác Cha Messari được chôn cất tử tế. Bảy tháng sau khi cải táng, cánh tay phải của ngài vẫn còn nguyên vẹn, còn các phần thân thể khác đã tàn rữa.



Một năm sau ngày bị bắt, Cha Bucharelli và các tín hữu trong tù được đem ra trước tòa án hôm 11-10-1723 để nghe đọc bản án tử hình. Một viên ký lục quay về phía Cha Bucharelli đọc to bản án như sau: *"Hoàng Thượng nhân từ chỉ ân xá cho những người nào là con một được chuộc bằng tiền. Người là người ngoại quốc đã dám rao giảng đạo Kitô bị nghiêm cấm thì phải chém đầu"*.

Cha Bucharelli vui vẻ nói: *"Ngợi khen Chúa"*.

Quay sang Thadêo Thọ, viên ký lục đọc bản án: *"Người cũng phải chịu chung một cực hình vì là môn đệ ngoại nhân và theo đạo Kitô, đầu người phải treo trên cọc ba ngày nơi công cộng"*.

Các tín hữu khác cũng bị án như vậy vì theo đạo Kitô. Một số tù nhân trộm cướp giết người cũng bị kết án và xử cùng ngày. Một số đông giáo dân khác bị kết án phải coi chuồng voi. Sau đó những người vào sổ được chuộc tiền và coi chuồng voi được đưa trở về nhà tù.

Cha Bucharelli dẫn đầu cùng với chín người khác đi đến pháp trường, miệng không ngớt ca hát ngợi khen Thiên Chúa. Thình thoảng cha ngắt ra khuyên bảo các giáo dân: *"Chỉ còn ít giờ nữa chúng ta sẽ được tự do thoát khỏi đời sống dưới trần thế khổ cực này, Thiên Chúa sẽ dắt đưa chúng ta lên trời"*.

Với giáo dân đi theo, cha nói: *"Can đảm lên chúng con, can đảm lên các anh em. Đừng có nghĩ đến cực hình thoảng trong một lúc, hãy ngược mắt và lòng trí lên trời, nơi ở vĩnh viễn mà chỉ một chút nữa chúng ta sẽ được bước vào"*.

Đoàn anh hùng vẫn tiếp tục bước đi vui vẻ giữa tiếng kêu của xích xiềng và tiếng kinh cầu, làm bờ ngỡ những lý hình và lương dân. Tới Đồng Mơ, nơi hành hình, Cha Bucharelli quì xuống đất cất lời cầu nguyện sốt sắng, các người khác cũng làm theo. Hai tay đưa ra sau, ngھn cổ lên cho lý hình làm việc bỗn phận. Từng cái đầu một rơi xuống, máu nóng tuôn chảy chan hòa tưới trên mảnh đất. Trời tối xúp lại. Các lý hình vội vã đi về để giáo dân tự do thăm máu và tôn kính thi hài các anh hùng tử đạo. Những người lương dân chứng kiến cảnh tượng nói với nhau: *"Đạo Công Giáo là một đạo thánh và không sớm thì muộn Trời sẽ báo oán cho những người thánh này"*.

Giáo dân đem xác các ngài về an táng chung một chỗ, ngoại trừ xác Phanxicô Kam được cha mẹ đem về táng ở Kê Sắt. Các vị tử đạo người Việt Nam là bốn thầy giảng: Phêrô Triệu, Ambrosio Đào, Emmanuele Diên và Philp Mi, và năm giáo dân: Luca Thu, Luca Mai, Thadeo Thọ, Phaolô Noi và Phanxicô Kam.

Bản tường thuật của Cha Chavez còn thêm chi tiết về Phanxicô Kam như sau: Ngài bị bắt ở Kê Sắt. Ban đầu vì yếu đuối đã bước qua ảnh thánh giá. Sau khi hồi hận và xưng tội, Phanxicô lấy lại sức mạnh đã đến trước mặt các quan xưng đạo: *"Chỉ có luật Chúa Kitô là chí thánh và đạo Ngài là chân thật. Tôi sẵn sàng đổ máu ra để chuộc lại lỗi lầm và tuyên xưng đạo Chúa vượt trên các đạo khác"*.

Tức thì quan cho lệnh đánh ngài. Một người giáo dân khác tên là Emmanuel đã bỏ tiền ra chuộc tự do cho mình cũng xin được trả tiền chuộc tự do cho Phanxicô Kam nữa. Nhưng đề nghị không được ngài chấp thuận, Emmanuel lại nói: *"Vậy này bạn, hãy can đảm và tuân theo thánh ý Chúa"*.

Phanxicô nói là ngài sẵn sàng chịu chết, chỉ xin Emmanuel lo lắng vợ con thay mình. Nói rồi ngài vững mạnh bước đi đến pháp trường. Trên đường ngài thấy vợ khóc lóc trong đám đông thì nói: *"Nếu đến đây chỉ để khóc thì uống công, về đi là hơn. Ta không muốn thấy mặt nữa"*.

Bà can đảm thưa lại chồng: *"Anh trông thấy nỗi thống khổ của tôi thì phải hiểu chứ, nhưng hãy tin chắc rằng nếu tôi khóc thương chồng không phải than trách số phận. Tôi công khai tuyên bố rằng, chết vì đạo Kitô không phải là một bất hạnh. Đạo Chúa Trời buộc tất cả mọi người hãy yêu kẻ thù, phan phát áo quần cho những người không có, cho kẻ đói ăn. Chết vì luật thánh như vậy không phải là điều xấu hổ, nhưng là một phần thưởng huy hoàng..."* Vừa nói đến đây lý hình đã lôi Phanxicô ra chém đầu.